

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2017/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 06 tháng 01 năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẾN TRE

Số:350.....
ĐẾN Ngày: 17/01/2017
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3625/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2832/2005/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2005 về Ban hành Quy định quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- NC: TH, TCĐT, KT; TT TTĐT;
- Website tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Ban tiếp công dân (niêm yết);
- Báo Đồng Khởi; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt thường ngày của con người.

2. *Đơn vị vệ sinh môi trường* là các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

3. *Chủ nguồn thải* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

4. *Cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt* là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

5. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

6. *Chôn lấp hợp vệ sinh* là biện pháp chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý chặt chẽ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khuyến khích các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng nhằm giảm thiểu lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

3. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm thu gom đến nơi xử lý phải đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và nộp các khoản phí có liên quan theo quy định (trừ các khu vực không có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

5. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên đất.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo nhóm như Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP để tái sử dụng, tái chế nhằm hạn chế chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo yêu cầu tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

2. Đối với các khu vực đã có bãi chôn lấp hoặc cơ sở xử lý thực hiện dây chuyền phân loại chất thải rắn sinh hoạt trước khi xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì chủ nguồn thải thực hiện phân loại, bố trí dụng cụ lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo yêu cầu, hướng dẫn của chủ thu gom, vận chuyển, xử lý.

3. Đối với những nơi chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý thì khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt như sau: chất thải hữu cơ ủ làm phân bón cho cây trồng; chất thải có thể tái chế bán cho các cơ sở mua phế liệu; chất thải vô cơ không thể tái chế được chôn lấp hợp vệ sinh.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 5 của Quy định này; tập kết chất thải đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh công cộng; có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa

phương và các đoàn thể phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng hoặc đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phải nộp phí vệ sinh hoặc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải (trường hợp phí vệ sinh chuyển sang giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải).

Điều 7. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định. Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm dân cư. Hỗ trợ, hướng dẫn, trang bị các dụng cụ cần thiết cho các hộ gia đình phân loại chất thải rắn sinh hoạt khi có yêu cầu.

2. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo tuyến để vận chuyển tới điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chất thải rắn sinh hoạt không được lưu giữ quá 02 ngày tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển, không để tồn đọng gây ô nhiễm môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

Điều 8. Các yêu cầu về thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển và phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các yêu cầu về thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngâm hoặc rò rỉ nước rác.

2. Yêu cầu về điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Điểm tập kết phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đặt ở vị trí thuận lợi cho việc thu gom, không gây mất an toàn giao thông, đảm bảo vệ mỹ quan, bảo vệ môi trường.

- Phải bố trí đủ các thiết bị lưu giữ đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 của Điều này.

b) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau:

- Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập nước; mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng chất thải rắn sinh hoạt cao nhất theo tính toán.

- Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

- Có rãnh thu chất lỏng về một hố ga thấp hơn sàn để bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị sơ cứu y tế.

- Phải thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Yêu cầu đối với các phương tiện vận chuyển

- Các phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.

- Được phép sử dụng xe tự chế để vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các khu vực không sử dụng được xe chuyên dụng đến các điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển nhưng phải đảm bảo không rơi vãi rác thải, rò rỉ nước rác trong quá trình vận chuyển.

Điều 9. Lựa chọn công nghệ và chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; thực hiện lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Điều 19 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. Việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung cấp tỉnh, huyện và cấp khu vực được giao cho các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện công tác đầu tư, xử lý.

Điều 10. Thực hiện xã hội hóa thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Chủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn; Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy định chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu áp dụng các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng (trường hợp liên huyện) lập dự án để kêu gọi các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 11. Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Mạng lưới các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các xã phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của tỉnh, quy hoạch ngành và quy hoạch chung của huyện, thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Có vị trí thuận lợi về giao thông hoặc trên các trục giao thông chính để đảm bảo việc thu gom được thuận lợi và đáp ứng được các quy định về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định. Có sự phù hợp về địa hình và cự ly vận chuyển đến các khu xử lý; được thiết kế theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình khai thác.

2. Đầu tư xây dựng các điểm, bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh quy mô cấp huyện, khu vực: địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các điểm, bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của tỉnh, quy hoạch ngành và quy hoạch chung của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khuyến khích việc cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp rác thải cấp huyện không hợp vệ sinh thành bãi chôn lấp có kiểm soát, hợp vệ sinh.

Không khuyến khích quy hoạch, đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác cấp xã. Thay thế xây dựng bãi chôn lấp rác cấp xã bằng xây dựng trạm trung chuyển rác để vận chuyển rác về điểm xử lý rác của huyện, khu vực hoặc áp dụng các mô hình xử lý rác giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với điều kiện của xã.

3. Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô cấp huyện: việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành của tỉnh; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và bảo vệ môi trường.

Khuyến khích việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý tập trung quy mô cấp huyện có công suất xử lý tối thiểu 100 tấn/ngày; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại trong nước và ngoài nước, nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 12. Cơ chế hỗ trợ thực hiện công tác thu gom, vận chuyển; đầu tư xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển, các điểm xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và mua sắm các phương tiện thu gom, vận chuyển, trang thiết bị an toàn lao động cho các xã, phường, thị trấn tự tổ chức các tổ thu gom, vận chuyển rác thực hiện mô hình tự quản từ các hộ gia đình đến điểm tập kết rác tập trung của xã, phường, thị trấn.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo điểm xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh tập trung cấp huyện (ô, bãi xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh) kèm theo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; xây dựng các điểm tập kết rác thải tập trung cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị thực hiện lập dự toán chi phí cho phần công việc theo Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển, các điểm xử lý rác thải tập trung cấp huyện (ô, bãi xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh); chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước và của tỉnh về đầu tư xây dựng cơ bản.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải, khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức điều tra quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các cơ sở xử lý, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.

c) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt thuộc lĩnh vực được phân công, phụ trách theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan trong việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng môi trường tại các khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn thực hiện công tác xã hội hóa về quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

g) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức lập, thẩm định, công bố các đồ án quy hoạch chuyên ngành về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Phối hợp Sở Tài chính lập kế hoạch chi ngân sách hàng năm cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo Thanh tra Xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn xây dựng, áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Chỉ đạo Thanh tra Giao thông vận tải phối hợp Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm do chủ phương tiện vận chuyển làm rơi vãi chất thải trên đường, nơi công cộng và đổ chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định.

b) Cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để phục vụ công tác đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp Sở Tài chính cân đối, phân bổ ngân sách thực hiện các nội dung tại Khoản 1, 2 Điều 12 của Quy định này.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng các nhà máy xử lý rác thải và các công trình phụ trợ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài chính

a) Cân đối, bố trí dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo cho hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan thẩm định, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp các sở, ban, ngành và các cơ quan khác có liên quan thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa phương mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng quy hoạch chi tiết mạng lưới thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho cấp huyện phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy hoạch kinh tế - xã hội của huyện, quy hoạch chung của tỉnh.

3. Chỉ đạo lực lượng các phòng ban chức năng kiểm tra tình hình hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý vệ sinh môi trường theo quy định.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh định kỳ, thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Tổ chức đánh giá tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, báo cáo kết quả theo yêu cầu của các sở, ban, ngành có liên quan về tình hình thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, kiến nghị đề xuất các vấn đề có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với đơn vị vệ sinh môi trường tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

2. Xây dựng, triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định này và các quy định khác có liên quan; tổ chức kiểm tra kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Tổ chức tuyên truyền các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ, các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định

này; định kỳ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

